

I. Ngành thủy sản

a) Những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản

Nước ta có bờ biển dài 3260 km và vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn. Vùng biển nước ta có nguồn lợi hải sản khá phong phú. Tổng trữ lượng hải sản khoảng 3,9 – 4,0 triệu tấn, cho phép khai thác hằng năm khoảng 1,9 triệu tấn. Biển nước ta có hơn 2000 loài cá, trong đó khoảng 100 loài có giá trị kinh tế; 1647 loài giáp xác, trong đó có hơn 100 loài tôm, nhiều loài có giá trị xuất khẩu cao; nhuyễn thể có hơn 2500 loài, rong biển hơn 600 loài. Ngoài ra còn nhiều loại đặc sản như hải sâm, bào ngư, sò, điệp ...

Nước ta có nhiều ngư trường, trong đó 4 ngư trường trọng điểm đã được xác định là: ngư trường Cà Mau – Kiên Giang (ngư trường vịnh Thái Lan), ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu, ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh (ngư trường vịnh Bắc Bộ) và ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Dọc bờ biển nước ta có những bãi triều, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn. Đó là những khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ. Ở một số hải đảo có các rạn đá, là nơi tập trung nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế. Ven bờ có nhiều đảo và vụng, vịnh tạo điều kiện hình thành các bãi cho cá đẻ.

Nước ta có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ, các ô trũng ở vùng đồng bằng có thể nuôi thả cá, tôm nước ngọt. Cả nước đã sử dụng hơn 850 nghìn ha diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản, trong đó 45% thuộc các tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu.

Nhân dân có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Các phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị ngày càng tốt hơn. Hoạt động khai thác và nuôi trồng được thuận lợi hơn nhờ phát triển các dịch vụ thủy sản và mở rộng chế biến thủy sản.

Cùng với sự gia tăng dân số thế giới và trong nước, nhu cầu về các mặt hàng thủy sản tăng nhiều trong những năm gần đây. Các mặt hàng thủy sản của nước ta cũng đã thâm nhập được vào thị trường châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ...

Những đổi mới trong chính sách của Nhà nước đã và đang có tác động tích cực tới sự phát triển ngành thủy sản : nghề cá ngày càng được chú trọng ; khai thác gắn với bảo vệ nguồn lợi và giữ vững chủ quyền vùng biển, hải đảo.

Tuy nhiên, việc phát triển ngành thủy sản ở nước ta gặp không ít khó khăn.

Hàng năm, có tới 9 – 10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông và khoảng 30 – 35 đợt gió mùa Đông Bắc, nhiều khi gây thiệt hại về người và tài sản của ngư dân, hạn chế số ngày ra khơi.

Tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt nói chung còn chậm được đổi mới, do vậy năng suất lao động còn thấp. Hệ thống các cảng cá còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng thương phẩm cũng còn nhiều hạn chế. Ở một số vùng ven biển, môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản suy giảm.

b) Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản

Trong những năm gần đây, ngành thủy sản đã có bước phát triển đột phá. Sản lượng thủy sản năm 2005 là hơn 3,4 triệu tấn, lớn hơn sản lượng thịt cộng lại từ chăn nuôi gia súc, gia cầm. Sản lượng thủy sản bình quân trên đầu người hiện nay khoảng 42 kg/năm. Nuôi trồng thủy sản chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu sản xuất và giá trị sản lượng thủy sản.

– Khai thác thủy sản :

Sản lượng khai thác hải sản năm 2005 đạt 1791 nghìn tấn, gấp 2,7 lần năm 1990, trong đó riêng cá biển là 1367 nghìn tấn. Sản lượng khai thác thủy sản nội địa đạt khoảng 200 nghìn tấn. Tất cả các tỉnh giáp biển đều đẩy mạnh đánh bắt hải sản, nhưng nghề cá ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ có vai trò lớn hơn. Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng đánh bắt là Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận

và Cà Mau. Riêng 4 tỉnh này chiếm 38% sản lượng thủy sản khai thác của cả nước.

Bảng 24.1. Sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản qua một số năm

Sản lượng và giá trị sản xuất	Năm			
	1990	1995	2000	2005
Sản lượng (nghìn tấn)	890,6	1 584,4	2 250,5	3465,9
– Khai thác	728,5	1 195,3	1 660,9	1987,9
– Nuôi trồng	162,1	389,1	589,6	1478,0
Giá trị sản xuất (tỉ đồng, giá so sánh 1994)	8 135	13 524	21 777	38726,9
– Khai thác	5 559	9 214	13 901	15822,0
– Nuôi trồng	2 576	4 310	7 876	22904,9

– Nuôi trồng thủy sản :

Hiện nay, nhiều loại thủy sản đã trở thành đối tượng nuôi trồng, nhưng quan trọng hơn cả là tôm. Nghề nuôi tôm phát triển mạnh. Kỹ thuật nuôi tôm đi từ quảng canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh công nghiệp. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng nuôi tôm lớn nhất, nổi bật là các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh và Kiên Giang.

Bảng 24.2. Sản lượng tôm nuôi, cá nuôi năm 1995 và 2005 phân theo vùng

Các vùng	Sản lượng tôm nuôi (tấn)		Sản lượng cá nuôi (tấn)	
	1995	2005	1995	2005
Cả nước	55316	327194	209142	971179
Trung du và miền núi Bắc Bộ	548	5350	12011	41728
Đồng bằng sông Hồng	1331	8283	48240	167517
Bắc Trung Bộ	888	12505	11720	44885
Duyên hải Nam Trung Bộ	4778	20806	2758	7446
Tây Nguyên	–	63	4413	11093
Đông Nam Bộ	650	14426	10525	46248
Đồng bằng sông Cửu Long	47121	265761	119475	652262

Nhờ các điều kiện thuận lợi nào mà Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi cá và nuôi tôm lớn nhất nước ta ?

Nghề nuôi cá nước ngọt cũng phát triển, đặc biệt là ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng. Tỉnh An Giang nổi tiếng về nuôi cá tra, cá ba sa trong lồng bè trên sông Tiền, sông Hậu, với sản lượng cá nuôi là 179 nghìn tấn (năm 2005).

2. Lâm nghiệp

a) Lâm nghiệp ở nước ta có vai trò quan trọng về mặt kinh tế và sinh thái

Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển. Do vậy, lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ.

Hãy tìm các ví dụ để làm sáng tỏ ý nghĩa kinh tế và sinh thái to lớn của rừng và vai trò của lâm nghiệp.

b) Tài nguyên rừng của nước ta vốn giàu có, nhưng đã bị suy thoái nhiều

Dựa vào bài 14, hãy nêu các con số chứng minh tài nguyên rừng nước ta bị suy giảm nhiều và đã được phục hồi một phần.

Hãy nêu những nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm tài nguyên rừng của nước ta.

Rừng được chia thành 3 loại : rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

Rừng phòng hộ (gần 7 triệu ha), có ý nghĩa rất quan trọng đối với môi sinh. Đọc theo các lưu vực sông lớn là các khu rừng đầu nguồn, có tác dụng rất lớn đối với việc điều hoà nước sông, chống lũ, chống xói mòn. Đọc theo dải ven biển miền Trung là các cánh rừng chắn cát bay, còn ven biển Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có các dải rừng chắn sóng.

Nước ta còn có một hệ thống rừng đặc dụng. Đó là các vườn quốc gia : Cúc Phương, Ba Vì, Ba Bể, Bạch Mã, Cát Tiên..., các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu dự trữ sinh quyển, các khu bảo tồn văn hoá – lịch sử – môi trường.

Cả nước có khoảng 5,4 triệu ha rừng sản xuất, đại bộ phận trong số đó (4,5 triệu ha) đã được giao và cho thuê.

c) Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp

Các hoạt động lâm nghiệp bao gồm : lâm sinh (trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng), khai thác, chế biến gỗ và lâm sản.

Về trồng rừng : Cả nước có khoảng 2,5 triệu ha rừng trồng tập trung, trong đó chủ yếu là rừng làm nguyên liệu giấy (mỡ, bồ đề, nứa...), rừng gỗ trụ mỏ, rừng thông nhựa ..., rừng phòng hộ. Hàng năm, cả nước trồng trên dưới 200 nghìn ha rừng tập trung. Tuy nhiên, mỗi năm vẫn có hàng nghìn ha rừng bị chặt phá và bị cháy, đặc biệt là ở Tây Nguyên.

Về khai thác, chế biến gỗ và lâm sản : Mỗi năm, nước ta khai thác khoảng 2,5 triệu m³ gỗ, khoảng 120 triệu cây tre luồng và gần 100 triệu cây nứa.

Các sản phẩm gỗ quan trọng nhất là : gỗ tròn, gỗ xẻ, ván sàn, đồ gỗ, gỗ lạng và gỗ dán. Cả nước có hơn 400 nhà máy cưa xẻ và vài nghìn xưởng xẻ gỗ thủ công. Công nghiệp bột giấy và giấy đang được phát triển. Các cơ sở lớn nhất là nhà máy giấy Bãi Bằng (tỉnh Phú Thọ) và Liên hiệp giấy Tân Mai (tỉnh Đồng Nai).

Rừng còn được khai thác để cung cấp nguồn gỗ củi và than củi.

Câu hỏi và bài tập

1. Hãy lập bảng tóm tắt những điều kiện thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển của hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta theo mẫu dưới đây :

Điều kiện	Thuận lợi	Khó khăn
Nguồn lợi và điều kiện đánh bắt		
Dân cư và nguồn lao động		
Cơ sở vật chất kĩ thuật		
Đường lối chính sách		
Thị trường		

Tương tự như trên, tóm tắt cho hoạt động nuôi trồng thủy sản.

2. Dựa vào bảng số liệu 24.2 và tìm thêm tài liệu tham khảo, để so sánh nghề nuôi tôm, nuôi cá ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.
3. Hãy nêu hiện trạng phát triển trồng rừng và các vấn đề phát triển vốn rừng ở nước ta hiện nay.